

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15-8-2025

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Trinh;

2. Ông Đào Văn Sáng;

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Bùi Tuyết Hân, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thúy B, sinh năm 1977;

Quốc tịch: Việt Nam;

Địa chỉ: Số A N, khu phố E, phường L, tỉnh Lâm Đồng).

Chỗ ở hiện nay: 53 L, H, MS C, USA.

Địa chỉ liên hệ: Số E T, khu phố F, phường L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền (để nộp tài liệu và nhận văn bản tố tụng): Ông Tô Quang H, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số E T, khu phố F, phường L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đức H1, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số A N, khu phố E, phường L, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

Năm 1997, bà Trần Thị Thúy B và ông Nguyễn Đức H1 tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 92/1997, ngày 04/11/1997 tại UBND xã T, huyện H.

Sau khi kết hôn, bà B và ông H1 chung sống hạnh phúc và có 03 con chung. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống với nhau đến khoảng đầu năm 2024 thì vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống trong cách nuôi dạy con cái và phát triển kinh tế gia đình. Khoảng một năm sau đó vào tháng 01 năm 2025 bà B xuất cảnh sang Hoa Kỳ sinh sống và định cư, còn ông H1 sinh sống tại Việt Nam. Sau khi qua Hoa Kỳ, bà B và ông H1 nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng tình cảm vợ chồng không hòa hợp, cả hai không thường xuyên liên hệ với nhau để chia sẻ mọi vấn đề trong cuộc sống nên bà B và ông H1 thường phát sinh mâu thuẫn. Đến nay bà B và ông H1 đã hết tình cảm dành cho nhau, tình cảm ngày càng phai nhạt, không còn muốn tiếp tục cuộc hôn nhân này. Hơn nữa vì khoảng cách địa lý, cả hai người không ở gần nhau, mỗi người có một cuộc sống riêng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà B và ông H1 không muốn tiếp tục chung sống với nhau và muốn được ly hôn, chấm dứt tình trạng hôn nhân như hiện nay.

Nay bà Trần Thị Thúy B yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Đức H1.

Về con chung: Bà Trần Thị Thúy B và ông Nguyễn Đức H1 có 03 con chung là cháu Nguyễn Huy Đ, sinh ngày 28/02/1998, cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 12/5/1999 và cháu Nguyễn Phương T1, sinh ngày 17/10/2014. Hai cháu Nguyễn Huy Đ và Nguyễn Phương T đã thành niên nên bà B không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng. Bà B yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Nguyễn Phương T1; bà B có nguyện vọng được nuôi cháu T1 đến khi cháu khôn lớn, trưởng thành; không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Thúy B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Trần Thị Thúy B và ông Nguyễn Đức H1 tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Trần Thị Thúy B và ông Nguyễn Đức H1 không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trình bày:

Ông Nguyễn Đức H1 thống nhất trình bày về tình trạng hôn nhân với bà Trần Thị Thúy B. Ông H1 đồng ý yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà B.

Về con chung: Bà Trần Thị Thúy B và ông Nguyễn Đức H1 có 03 con chung là cháu Nguyễn Huy Đ, sinh ngày 28/02/1998, cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 12/5/1999 và cháu Nguyễn Phương T1, sinh ngày 17/10/2014. Hai cháu Nguyễn Huy Đ và Nguyễn Phương T đã thành niên nên ông H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông H1 đồng ý giao cháu Nguyễn Phương T1 cho bà Trần Thị Thúy B được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Đức H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Đức H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Bà Trần Thị Thúy B yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Đức H1 là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về yêu cầu nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Phương T1 cho bà Trần Thị Thúy B trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn Đức H1 được quyền thăm nom cháu T1 mà không ai được cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, các quy định của pháp luật, Tòa án nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện, bà Trần Thị Thúy B và ông Nguyễn Đức H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thúy B và ông Nguyễn Đức H1 đăng ký kết hôn vào ngày 04/11/1997 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H; Đủ

điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà Trần Thị Thúy B và ông Nguyễn Đức H1 kết hôn tự nguyện, đã từng có thời gian chung sống hạnh phúc và có 03 người con chung. Tuy nhiên trong khoảng thời gian chung sống đã phát sinh mâu thuẫn về quan điểm sống và cách nuôi dạy con cái dẫn đến không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Sau khi kết hôn bà B xuất cảnh sang Hoa Kỳ sinh sống và định cư đến nay không còn liên lạc với ông Nguyễn Đức H1. Cả hai người không giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt, cả hai không quan tâm nhau trong cuộc sống; Cuộc sống chung vợ chồng giữa bà Trần Thị Thúy B và ông Nguyễn Đức H1 đã không còn tồn tại, hai bên không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau. Vì vậy, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bà Trần Thị Thúy B yêu cầu ly hôn là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Tòa án chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Trần Thị Thúy B và ông Nguyễn Đức H1 có 03 con chung là cháu Nguyễn Huy Đ, sinh ngày 28/02/1998, cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 12/5/1999 và cháu Nguyễn Phương T1, sinh ngày 17/10/2014. Nguyễn Huy Đ và Nguyễn Phương T đã thành niên, ông H1 bà B không yêu cầu. Đối với cháu Nguyễn Phương T1, hiện nay cháu T1 đang sống cùng ông Nguyễn Đức H1 tại phường T, thị xã L (nay phường L, tỉnh Lâm Đồng) bà B yêu cầu được nuôi cháu T1 và không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/6/2025 cháu Nguyễn Phương T1 có nguyện vọng được sống cùng mẹ và ông Nguyễn Đức H1 cũng đồng ý giao cháu Nguyễn Phương T1 cho bà Trần Thị Thúy B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu cho đến khi trưởng thành. Xét yêu cầu của bà B về yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Phương T1 sinh ngày 17/10/2014 là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con bà Trần Thị Thúy B và ông Nguyễn Đức H1 không yêu cầu nên không xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Thúy B và ông Nguyễn Đức H1 không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị Thúy B phải chịu án phí sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 82, Điều 83, Điều 121, Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình

năm 2014; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thúy B. Bà Trần Thị Thúy B được ly hôn với ông Nguyễn Đức H1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phương T1, sinh ngày 17/10/2014 cho bà Trần Thị Thúy B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Phương T1 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Nguyễn Đức H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Bà Trần Thị Thúy B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000818 ngày 17/6/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận. Bà Trần Thị Thúy B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- UBND phường LaGi;
- Công an phường La Gi ;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Thái